

★ **METHODE DE VIETNAMEIEN** ★

offerte par

Nicolas BOSC

et

WWW.HANOI-HOME.COM

Agence immobilière

le partenaire de votre succès...

TABLE DES MATIERES

PRONONCIATION	3	NOMBRES / COULEURS	17
PRESENTATION.....	4	METIERS	18
SUJETS	5	LIEUX	19
QUESTIONS	6-9	TEMPS	20
CONJUGAISON	10	METEO / MOTO	21
VERBES	11	RESTAURANT	22
ADJECTIFS	12-15	VOCABULAIRE.....	23-24
MOTS COMMUNS	16	VOCABULAIRE PERSONNEL..	24

Bienvenue à Hanoi, notre merveilleuse capitale! Je suis très heureux de vous offrir ce livret que nous avons spécialement conçu pour vous. J'espère qu'il vous sera utile et vous aidera à profiter le mieux possible de votre séjour au Vietnam !

Quang Minh Real Estate Company a une expérience de cinq ans pour aider les expatriés, étrangers d'origine vietnamienne et locaux – à trouver des appartements, villas, bureaux, showrooms...

Quang Minh a développé sa réputation en proposant à ses clients une vaste sélection de propriétés avec une efficacité et une confiance qui ont toujours été appréciées...

N'hésitez donc pas à nous contacter pour toutes informations et à visiter notre site www.hanoi-home.com !

A bientôt - Hẹn gặp lại !



Mr Cuong
Director of Quang Minh
Real Estate Company

*Je parle français !
I speak English !*

PRONONCIATION (phát âm)

Đ : d (dans)

D : z (zoo)

Gi- : zì

Kh- : r

Ng : ng (ngowling)

Nh- : ni (nion)

Ph- : f

R : z

Tr- : tch

X : s

-Ch : k

-Nh : ng (ngowling)

A : a

Â : a

Ă : a court

I : ai (long)

Y : ai (court)

Au : aou

Ô : o (bouche ronde)

O : o

Ớ : e

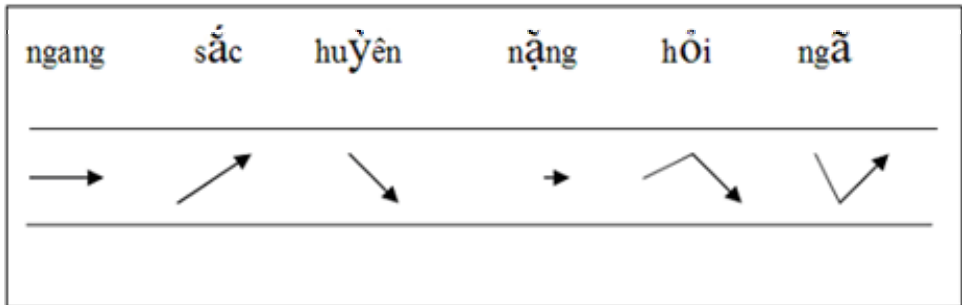
E : è (air)

Ê : é (héros)

U : ou (chou)

Ư : u


Les 6 Tons Vietnamiens





PRESENTATION

Bonjour	: Xin chào / Chào
Au revoir	: Tạm biệt
Comment allez-vous ?	: Subj. + khỏe không ?
Ça va, merci !	: Subj. + khỏe, cảm ơn !
Ravi de vous rencontrer !	: Rất vui được gặp + “Sujet” !
A bientôt	: Hẹn gặp lại (+ “Sujet”)
Merci	: Cảm ơn
A votre santé !	: Chúc sức khỏe
Cul sec !	: Trăm phần trăm !
Attention !	: Chú ý ! / Cần thận !
Bravo !	: Chúc mừng !
Génial !	: Tuyệt quá !
Désolé !	: Xin lỗi !
Oui	: Vâng / Ừ
Non	: Không
OK	: Đồng ý

Mr. Cuong – Real Estate Co., Ltd.

 09 53 31 98 77

 cuong@hanoi-home.com

 www.hanoi-home.com

SUJETS (chủ ngữ)

Je	: Tôi / Mình	Tu	: Cậu
Femme Agée	: Bà	Homme Agé	: Ông
Femme	: Cô	Homme	: Chú
Jeune Femme	: Chị	Jeune Homme	: Anh
Enfant	: Cháu	Ami	: Bạn

<i>Sujet</i> + <i>ấy</i>	3 ^{ème} personne	<i>ex</i> : <i>anh ấy</i> = il, <i>chị ấy</i> = elle...
<i>Các</i> + <i>Sujet</i>	pluriel	<i>ex</i> : <i>các anh</i> = vous
<i>Sujet</i> + <i>oi</i>	pour attirer l'attention	<i>ex</i> : <i>cô oi</i> = hey madame!

Nous	: Chúng ta : A+B+C	Ils	: Họ
	Chúng tôi : A+B (ØC)	Quelqu'un	: Người ta

Gia đình (famille)

Père	: Bố	Mère	: Mẹ	Ma petit(e) ami(e)	: Người yêu tôi
Frère	: Em trai (- âgé), Anh trai (+ âgé)			Ma femme / mon mari	: Nhà tôi
Soeur	: Em gái (- âgé), Chị gái (+ âgé)			Enfant	: Con / Nhi đồng
♂	: Nam giới / ♀	: Phụ nữ		Ado	: Thiếu nhi

La meilleure sélection de Maisons, Villas, Appartements, Showrooms, Bureaux...

- *Aucune Commission* -

QUESTIONS (câu hỏi) / REPONSES (trả lời)

Quel est votre nom ?

Mon nom est...

→ “S” + tên là gì ?

→ Tôi tên là + “Nom”

Quelle est votre nationalité ?

Ma nationalité est...

→ “S” + là người nước nào ?

→ Tôi là người + “Nationalité”

Quel âge avez-vous ?

J'ai 26 ans

→ “S” + bao nhiêu tuổi ?

→ Tôi 26 tuổi

Etes-vous marié ?

Oui

Non, pas encore

→ “S” + đã có gia đình chưa?

→ Rồi

→ Chưa

Où habitez-vous ?

Je vis à...

→ “S” + sống ở đâu ?

→ Tôi sống ở + “Lieu”

Quel est votre métier ?

Mon métier est...


→ “S” + làm nghề gì ?


→ Tôi làm + “Métier”


Combien ça coûte ?

→ Cái này bao nhiêu tiền ?

Vous recherchez une belle villa ? Contactez Mr. Cuong !

 09 53 31 98 77

 cuong@hanoi-home.com

 www.hanoi-home.com

Qu'est-ce que c'est ?

→ pour les choses : Cái này là gì ? → Cái này là...
→ pour les animaux : Con này là gì ? → Con này là...

Qu'est-ce qui se passe ?

→ Có vấn đề gì ? → Il y a... : Có...

Qu'est-ce que vous êtes en train de faire? → “S” + đang làm gì đấy ?

Où est... ?

→ “Nom” + ở đâu ?

Pourquoi... ?

→ Vì sao...

ex : Vì sao anh không đến ?
- Bởi vì tôi bị ốm.

Pourquoi est-ce qu'il n'est pas venu?
- *Parce qu'il est malade*

Etes-vous capable de + Verbe... ?

→ “S” + (có) + “Vb” + được + không ?

ex : Anh (có) chơi được ghi ta không ? *Etes-vous capable de jouer de la guitare ?*
- Được. Tôi chơi được.
- *Oui, je le peux*

Pouvez-vous...? :

- m'indiquer le chemin de + Lieu ?

→ Làm ơn chỉ giúp tôi đường đến... ?

- me donner l'heure ?

→ Làm ơn xem giúp tôi mấy giờ rồi ?

- me permettre de + Verbe ?

→ Làm ơn cho tôi + “Vb” ?

Vous aimeriez la TV câblée, l'ADSL, une femme de ménage... ? Contactez Mr. Cuong !

Etes-vous...?

→ “S” + có + “Vb” (Adj, Nom...) + không?
→ Có / Không

Avez-vous... ou pas encore ?

→ “S” + có + “Nom” + chưa ?

ex : Anh có cháu chưa?

→ Rồi. Tôi có rồi.

Avez-vous des enfants ou pas encore ?

→ Chưa. Tôi chưa có.

Etes-vous... ou pas encore ?

→ “S” + đã + “Vb” + chưa ?

ex : Hương đã đi Mỹ chưa ?

→ Rồi. Tôi đã đi rồi.

Est ce que Hương est déjà allée au U.S. ?

→ Chưa. Tôi chưa đi.

Quel... ?

→ “Nom” + nào ?

ex : ngày nào = quel jour ? / mũ nào ? = quel chapeau ?

A qui appartient... ?

→ “Objet”+ của ai ?

Il appartient à...

→ “Objet” + của + “S” ex : ô tô của tôi (mon auto)

Qui est-il (elle)?

→ “S” + là ai ?

Il / elle est...

→ “S” + là... ex : chị là Cuc (c’est Cuc)

A quelle distance est “A” d’ici ?

→ “A” cách đây bao xa ?

Quelle est la distance entre “A” et “B” ? → “A” cách “B” bao xa ?

Vous voulez un logement pas cher dans le centre... calme ? Contactez Mr. Cuong !

Quand ?

ex : Khi nào anh đi Mỹ ?

→ Khi (or lúc) nào +...

Quand êtes-vous allé aux U.S ?

Quel jour sommes-nous ?

Aujourd'hui, nous sommes lundi

→ Hôm nay là thứ mấy ?

→ Hôm nay là thứ hai

Quelle est la date d'aujourd'hui ?

Aujourd'hui, nous sommes le 10

→ Hôm nay là ngày bao nhiêu ?

→ Hôm nay là ngày 10

Pour combien de temps... ?

ex : Anh sẽ ở Hà Nội trong bao lâu ?

→ ... + bao lâu ?

Combien de temps restez-vous au Vietnam ?

- Anh sẽ ở Hà Nội trong 2 năm ! - *Je reste au Vietnam pour 2 ans !*

Quelle heure est-il ?

Il est 3 heures

→ Bây giờ rồi ?

→ 3 giờ !

A quelle heure ?

A 2 heures !

→ Lúc mấy giờ ?

→ Lúc 2 giờ !

Vous recherchez une agence immobilière efficace et amicale... ? Contactez Mr. Cuong !



09 53 31 98 77



cuong@hanoi-home.com





www.hanoi-home.com


CONJUGAISON

Passé	→ “S”+ Đã +“Vb”	Etre sûr de...	→ “S”+ chắc chắn + ...
Passé proche	→ “S”+ Vừa +“Vb”	ex : Tôi chắc chắn sẽ đi Sa Pa	
En train de	→ “S”+ Đang +“Vb”	<i>Je suis sûr d’aller à Sapa</i>	
Futur proche	→ “S”+ Sẽ +“Vb”	Avoir l’intention de	→ S + định + Vb
Futur	→ “S”+ Sẽ +“Vb”	ex : Tôi định đi Sapa	
Impératif	→ Hãy + “Vb” / “Vb” + đi	<i>J’ai l’intention d’aller à Sapa</i>	
Permission	→ Xin phép cô cho em... ex : Xin phép cô cho em ra ngoài <i>Permettez-moi de sortir</i>	Faire tout seul	→ “S”+ Tự + “Vb” ex : Tôi tự làm bài tập <i>Je fais les devoirs tout seul</i>
Interdiction	→ Cấm + “Vb” ex : Cấm hút thuốc lá ! <i>Il est interdit de fumer !</i>	Faire ensemble	→ “S”+ Cùng + “Vb” ex : Chúng ta cùng làm bài tập <i>Nous faisons les exercices ensemble</i>
Essayer	→ “S” + thử + “Vb” ex : Anh thử uống rượu ! <i>Tu peux essayer de boire de l’alcool !</i>	Continuer à...	→ “S”+ Tiếp tục + “Vb” ex : Tôi tiếp tục học tiếng Việt <i>Je continue à apprendre le Vietnamien</i>

Vous aimeriez une belle villa à West Lake... ? Contactez Mr. Cuong !

 09 53 31 98 77

 cuong@hanoi-home.com

 www.hanoi-home.com

VERBES (động từ)

acheter : mua

aimer : thích

aider : giúp

aller : đi / đến

apprendre : học

attendre : đợi / chờ

boire : uống

casser : gãy

changer : thay đổi

chanter : hát

chercher : tìm / kiếm

choisir : chọn

commencer : bắt đầu

comprendre : hiểu

conduire : lái xe

construire : xây dựng

continuer : tiếp tục

cuisiner : nấu ăn

décider : quyết định

demander : hỏi

détester : ghét

devoir : phải

discuter : nói về

donner : cho / đưa

dormir : ngủ

écouter : nghe

écrire : viết

enseigner : dạy

entrer : đi vào

envoyer : gửi

espérer : hy vọng

être (location) : ở

expliquer : giảng giải

finir : kết thúc

fumer : hút thuốc

inviter : mời

jouer : chơi

laver : giặt

lire : đọc

louer : thuê

manger : ăn

marchander : mặc cả

marcher : đi bộ

mentir : nói dối

mettre : để / đặt

nager : bơi

nettoyer : lau

oublier : quên

payer : trả tiền

penser : nghĩ

photographier : chụp ảnh

pleurer : khóc

pouvoir : có thể

ne pas pouvoir : không thể

préférer : thích hơn

préparer : chuẩn bị

rentrer : về

réparer : chữa

répéter : nhắc lại

revenir : trở lại

rire : cười

savoir : biết

se lever : dậy

se reposer : nghỉ

se souvenir : nhớ

sentir : ngửi thấy

soigner : chăm sóc

sortir : đi ra

téléphoner : gọi điện thoại

traduire : dịch

travailler : làm việc

trouver : tìm thấy

utiliser : dùng

vendre : bán

venir : đến

visiter : đi thăm


vivre : sống


voir : xem / thăm


vouloir : muốn

voyager : du lịch

Vous voulez un ameublement occidental ? Contactez Mr. Cuong !

 09 53 31 98 77

 cuong@hanoi-home.com

 www.hanoi-home.com

ADJECTIFS (tính từ)

X est *adj*

→ “Sujet” + “Adj”

ex : Chị ấy đẹp

Elle est belle

X n'est pas *adj*

→ “Sujet” + không + “Adj”

ex : Chị ấy không già

Elle n'est pas vieille

X est plus *adj* que Y

→ “Suj. X” + “Adj” + hơn + “Suj. Y”

ex : Tôi cao hơn anh ấy

Je suis plus grand que lui

X *verbe* plus que Y

→ “Suj. X” + “Vb” + nhiều hơn + “Suj. Y”

ex : Tôi làm việc nhiều hơn anh ấy *Je travaille plus que lui*

X *verbe* moins que Y

→ “Suj. X” + “Vb” + ít hơn + “Suj. Y”

ex : Tôi làm việc ít hơn anh ấy

Je travaille moins que lui

X est aussi *adj* que Y

→ “Suj. X” + “Adj” + bằng + “Suj. Y”

ex : Tôi cao bằng anh ấy

Je suis aussi grand que lui

La meilleure sélection de Maisons, Villas, Appartements, Showrooms, Bureaux...

- *Aucune Commission* -

Plus X est *adj A*, plus *adj B* → “Suj. X” + càng + “Adj A” + càng + “Adj B”
ex : Chị ấy càng già càng đẹp *Plus elle vieillit, plus elle est belle*

X est de plus en plus *adj* → “Suj. X” + “Adj” + lên (positif)
→ “Suj. X” + “Adj” + đi (négatif)
ex : Ông ấy béo đi ! *Il est de plus en plus grand*

X est le (la) plus *adj* → “Suj. X” + “Adj” + nhất
ex : Chị ấy đẹp nhất ! *Elle est la plus belle !*

Un peu + *adj*... → Hơi + “Adj”
ex : Trời hôm nay hơi nóng ! *Il fait un peu chaud !*

Rất + “Adj” ex : Trời hôm nay rất nóng !
Très + *adj* → “Adj” + lắm ex : Trời hôm nay nóng lắm !
“Adj” + quá ex : Trời hôm nay nóng quá !

Trop + *adj* → quá + “Adj” ex : Quá đắt ! *Trop cher!*

Vous rêvez d'une maison moderne ou traditionnelle dans le vieux quartier ? Mr. Cuong !

A quoi ressemble-t-il ? (apparence)

Q : “Sujet” + *trông thế nào ?* → R : “Sujet” + *trông* + “Adj”

<i>beau</i>	đẹp	×	xấu	<i>laid</i>	<i>peu</i>	ít	×	nhều	<i>beaucoup</i>
<i>gros</i>	béo	×	gầy	<i>mince</i>	<i>bon marché</i>	rẻ	×	đắt	<i>cher</i>
<i>fort</i>	mạnh khoẻ	×	yếu	<i>maigre</i>	<i>propre</i>	sạch	×	bẩn	<i>sale</i>
<i>grand</i>	to, lớn	×	nhỏ	<i>petit</i>	<i>délicieux</i>	ngon	×	tồi	<i>infect</i>
<i>jeune</i>	trẻ	×	già	<i>vieux</i>	<i>facile</i>	dễ	×	khó	<i>difficile</i>
<i>mignonne</i>	xinh xắn				<i>vite</i>	nhanh	×	chậm	<i>lent</i>
					<i>libre</i>	rỗi	×	bận	<i>occupé</i>
					<i>frais</i>	tươi	×	héo	<i>rassis</i>
<i>froid</i>	lạnh	×	nóng	<i>chaud</i>	<i>b. qualité</i>	tốt	×	xấu	<i>m. qualité</i>
<i>profond</i>	sâu	×	nông		<i>bon</i>	giỏi	×	kém, tồi	<i>mauvais</i>
<i>lourd</i>	nặng	×	nhẹ	<i>léger</i>	<i>clair</i>	sáng	×	tối	<i>sombre</i>
<i>haut</i>	cao	×	thấp	<i>petit</i>	<i>près</i>	gần	×	xa	<i>loin</i>
<i>long</i>	dài	×	ngắn	<i>court</i>	<i>neuf</i>	mới	×	cũ	<i>vieux</i>
<i>épais</i>	dày	×	mỏng	<i>fin</i>	<i>ouvert</i>	mở	×	đóng	<i>fermé</i>
<i>large</i>	rộng	×	hẹp	<i>étroit</i>	<i>simple</i>	đơn giản	×	phức tạp	<i>complexe</i>

Il vous faut un appartement tout équipé ? Contactez Mr. Cuong !

☎ 09 53 31 98 77

✉ cuong@hanoi-home.com


🌐 www.hanoi-home.com


Quel est son caractère ?


Q : “Sujet” + là người thế nào ? → R : “Sujet” + là người + “Adj”

<i>amusant</i>	vui tính	><	buồn tè	<i>pas amusant</i>
<i>facile à vivre</i>	dễ tính	><	khó tính	<i>caractère compliqué</i>
<i>confiant</i>	tự tin	><	tự ty	<i>défaitiste</i>
<i>heureux</i>	hạnh phúc	><	buồn	<i>triste</i>
<i>courageux</i>	dũng cảm	><	nhút nhát	<i>timide</i>
<i>dynamique</i>	sôi nổi	><	trầm tính	<i>calme</i>
<i>drôle</i>	hài hước	><	chán	<i>ennuyeux</i>
<i>généreux</i>	độ lượng	><	ích kỷ	<i>égoïste</i>
<i>gentil</i>	tốt bụng	><	độc ác	<i>méchant</i>
<i>intelligent</i>	thông minh	><	ngu dốt	<i>stupide</i>
<i>intéressant</i>	thú vị	><	nhàm chán	<i>inintéressant</i>
<i>optimiste</i>	lạc quan	><	bi quan	<i>pessimiste</i>
<i>travailleur</i>	chăm chỉ	><	lười biếng	<i> paresseux</i>

Vous voulez une maison à tout petit prix à Hanoi ? Contactez Mr. Cuong !

 09 53 31 98 77

 cuong@hanoi-home.com

 www.hanoi-home.com

MOTS COMMUNS (từ)

2 fois par mois :
mỗi tháng hai lần

alors/donc : nên

aussi : cũng / đều

autre : khác

avec : với

beaucoup : nhiều

chaque : mỗi

de... à... : từ... đến....

encore : nữa / lại

et : và / còn

mais : nhưng / mà

même : giống

ou : hay là / hoặc

parce que : vì (... nên)

peut-être : có lẽ

quand je... : khi tôi...

selon moi : đối với

seulement : chỉ... thôi

si... donc... : nếu... thì

sinon : nếu không

tous les... : mọi

tout : tất cả

un peu : một ít

dans → trong (à l'intérieur)

→ ngoài (à l'extérieur)

→ trong (temps)

pour → cho + "Nom"

→ để + "Verbe"

avant : trước + "Nom"

trước khi + "Verbe"

après : sau + "Nom"

sau khi + "Verbe"

toujours : luôn luôn

souvent : thường

parfois : thỉnh thoảng

rarement : ít khi

jamais : không bao giờ

sur trên

avant trước

dans trong

devant cạnh

entre giữa

× dưới

× sau

× ngoài

× đối diện

sous

après

dehors

face à face

Vous avez besoin d'équiper votre nouvelle maison : ADSL, TV câblée , ameublement...? Mr. Cuong !

NOMBRES (số)

0	: không	20	: hai mươi
0.5	: nửa	25	: hai lăm
1	: một	100	: một trăm
1.5	: một rưỡi	1.000	: một nghìn
2	: hai	1.000.000	: một triệu
3	: ba	1.000.000.000	: một tỷ
4	: bốn	%	: phần trăm
5	: năm	+	: cộng
6	: sáu	-	: trừ
7	: bảy	x	: nhân
8	: tám	/	: chia
9	: chín	=	: bằng
10	: mười		
11	: mười một	100 g	: 1 lạng
12	: mười hai	1 kg	: 1 cân
13	: mười ba	10 kg	: 1 yến
14	: mười bốn	100 kg	: 1 tạ
15	: mười lăm	1000 kg	: 1 tấn

COULEURS

De quelle couleur est... ?

→ “Nom” + màu gì ?

ex : xe của anh màu gì ?

De quelle couleur est votre moto?

Màu	<i>noir</i>	: đen
	<i>bleu</i>	: xanh lơ
	<i>marron</i>	: nâu
	<i>vert</i>	: xanh lá cây
	<i>gris</i>	: xám
	<i>orange</i>	: cam
	<i>rose</i>	: hồng
	<i>violet</i>	: tím
	<i>rouge</i>	: đỏ
	<i>jaune</i>	: vàng
	<i>blanc</i>	: trắng
<i>foncé</i>	đậm	<> nhạt
	<i>clair</i>	

Vous recherchez une maison ou un appartement proche de votre bureau ? Contactez Mr. Cuong !

METIERS

<i>acteur (trice)</i>	: diễn viên	<i>paysan</i>	: nông dân
<i>avocat</i>	: luật sư	<i>peintre</i>	: họa sỹ
<i>chanteur</i>	: ca sỹ	<i>pharmacien</i>	: dược sỹ
<i>chômeur</i>	: thất nghiệp	<i>poète</i>	: thi sỹ
<i>dentiste</i>	: nha sỹ	<i>policier</i>	: công an
<i>directeur</i>	: giám đốc	<i>professeur</i>	: giáo viên
<i>écrivain</i>	: nhà văn	<i>psychologue</i>	: nhà tâm lý học
<i>étudiant</i>	: sinh viên	<i>élève</i>	: học sinh
<i>garagiste</i>	: chủ nhà xe	<i>secrétaire</i>	: thư ký
<i>infirmière</i>	: y tá	<i>soldat</i>	: bộ đội
<i>informaticien</i>	: thông tin	<i>vétérinaire</i>	: thú y
<i>ingénieur</i>	: kỹ sư	<i>université</i>	: trường đại học
<i>journaliste</i>	: nhà báo	<i>lycée</i>	: trường trung học
<i>médecin</i>	: bác sỹ	<i>primaire</i>	: trường tiểu học
<i>musicien</i>	: nhạc sỹ	<i>maternelle</i>	: trường mẫu giáo
<i>ouvrier</i>	: công nhân		

Vous recherchez des bureaux, une boutique, un show-room...? Contactez Mr. Cuong !

LIEUX

<i>aéroport</i>	: sân bay	Nước (pays)	Châu (continent)	
<i>ambassade</i>	: sứ quán	<i>Allemagne</i>	: Đức	
<i>banque</i>	: ngân hàng	<i>Australie</i>	: Úc	
<i>bibliothèque</i>	: thư viện	<i>Belgique</i>	: Bỉ	
<i>cinéma</i>	: rạp phim	<i>Canada</i>	: Ca-na-đa	
<i>commissariat</i>	: sở cảnh sát	<i>Chine</i>	: Trung Quốc	
<i>école</i>	: trường học	<i>Corée</i>	: Hàn Quốc	
<i>entreprise</i>	: công ty	<i>Espagne</i>	: Tây Ban Nha	
<i>hôpital</i>	: bệnh viện	<i>France</i>	: Pháp	
<i>hôtel</i>	: khách sạn	<i>Hollande</i>	: Hà Lan	
<i>magasin</i>	: cửa hàng	<i>Inde</i>	: Ấn Độ	
<i>parc</i>	: công viên	<i>Irlande</i>	: Ai-len	
<i>piscine</i>	: bể bơi	<i>Italie</i>	: Ý	
<i>prison</i>	: nhà tù	<i>Japon</i>	: Nhật	
<i>restaurant</i>	: nhà hàng	<i>Laos</i>	: Lào	
<i>supermarché</i>	: siêu thị	<i>Russie</i>	: Nga	
<i>théâtre</i>	: rạp hát	<i>Suisse</i>	: Thụy Sĩ	
<i>usine</i>	: nhà máy	<i>U.K.</i>	: Anh	
<i>zoo</i>	: vườn bách thú	<i>U.S.</i>	: Mỹ	
			Phía (direction)	
			<i>droite</i>	: bên phải
			<i>gauche</i>	: bên trái
			<i>tout droit</i>	: thẳng
			<i>croisement</i>	: ngã tư
			<i>tourner</i>	: rẽ
			Hướng (orientation)	
			<i>Nord</i>	: bắc
			<i>Sud</i>	: nam
			<i>Est</i>	: đông
			<i>Ouest</i>	: tây
			<i>Centre</i>	: trung

Vous cherchez un logement pas cher dans le centre... ? Contactez Mr. Cuong !

LE TEMPS (thời gian)

aujourd'hui : hôm nay
maintenant : bây giờ
demain : ngày mai
après demain : ngày kia
hier : hôm qua

année : năm
mois : tháng
semaine : tuần
jour : ngày
heure : giờ /
tiếng (*durée*)
minute : phút
seconde : giây

suivant : sau + “Nom”
précédent: trước + “Nom”
avant : trước khi
après : sau khi

matin : sáng
midi : trưa
après-midi : chiều
soirée : tối
nuit : đêm

Dimanche : chủ nhật
Lundi : thứ hai
Mardi : thứ ba
Mercredi. : thứ tư
Jeudi : thứ năm
Vendredi : thứ sáu
Samedi : thứ bảy

Mùa (saison) +
printemps : xuân
été : hè
automne : thu
hiver : đông

Janvier : tháng giêng
Février : tháng hai
Mars : tháng ba
Avril : tháng tư
Mai : tháng năm
Juin : tháng sáu
Juillet : tháng bảy
Août : tháng tám
Septembre : tháng chín
Octobre : tháng mười
Novembre : tháng mười một
Décembre : tháng mười hai

Dén +
à l'heure : đúng giờ
en avance : sớm
en retard : muộn

Quel quartier : Hoan Kiem, Hai Ba Trung, Dong Da... ? Contactez Mr. Cuong !

METEO

<i>beau temps</i>	: trời đẹp
<i>chaud</i>	: trời nóng
<i>ensoleillé</i>	: trời nắng
<i>froid</i>	: trời lạnh
<i>humide</i>	: trời ẩm thấp
<i>orageux</i>	: trời đầy sấm
<i>pluvieux</i>	: trời mưa
<i>étoile</i>	: ngôi sao
<i>lune</i>	: trăng
<i>nuage</i>	: mây
<i>soleil</i>	: nắng
<i>terre</i>	: quả đất
<i>vent</i>	: gió
<i>température</i>	: nhiệt độ

MOTO

<i>bougie</i>	: bu gi
<i>câble</i>	: dây
<i>carburateur</i>	: chế hoà khí
<i>chaîne</i>	: xích
<i>électricité</i>	: điện
<i>embrayage</i>	: côn
<i>essence</i>	: xăng
<i>filtre à essence</i>	: khoá xăng
<i>filtre à air</i>	: lọc gió
<i>freins</i>	: phanh
<i>générateur</i>	: bộ điện
<i>huile</i>	: dầu
<i>moteur</i>	: máy
<i>piston</i>	: pít tông
<i>pneu</i>	: lốp
<i>roue</i>	: bánh xe
<i>suspension</i>	: giảm sóc
<i>transformateur</i>	: mô bin
<i>vitesse</i>	: bộ số

Vous recherchez une habitation avec 1, 2, 3, 4, 5, 6... chambres ? Contactez Mr. Cuong !

RESTAURANT

Commander : Cho + “Nom” (+ Nhé)

<i>assiette</i> : đĩa	<i>alcool</i> : rượu	<i>viande</i> : thịt	<i>légumes</i> : rau
<i>baguette</i> : đũa	<i>bière</i> : bia	<i>anguille</i> : lươn	<i>champignon</i> : nấm
<i>bol</i> : bát	<i>café</i> : cà phê	<i>boeuf</i> : bò	<i>fondue</i> : lẩu
<i>bouteille</i> : chai	<i>eau</i> : nước	<i>calamar</i> : mực	<i>oignons</i> : hành
<i>cannette</i> : lon	<i>glace</i> : đá	<i>chèvre</i> : dê	<i>p. de terre</i> : khoai tây
<i>cendrier</i> : gạt tàn	<i>lait</i> : sữa	<i>chien</i> : chó	<i>tofu</i> : đậu phụ
<i>menu</i> : thực đơn	<i>thé</i> : trà	<i>crabe</i> : cua	
<i>paquet</i> : gói / bao	<i>gingembre</i> : rang gừng	<i>crevette</i> : tôm	<u>fruits</u> : hoa quả
<i>plat</i> : bữa ăn	<i>piment</i> : ớt	<i>escargot</i> : ốc	<i>ananas</i> : dứa
<i>repas</i> : món ăn	<i>poivre</i> : hạt tiêu	<i>grenouille</i> : ếch	<i>banane</i> : chuối
<i>verre</i> : cốc	<i>sel</i> : muối	<i>oeuf</i> : trứng	<i>citron</i> : chanh
<i>faim</i> : đói	<i>sucre</i> : đường	<i>oiseau</i> : chim	<i>mangue</i> : xoài
<i>soif</i> : khát	<i>bouilli</i> : luộc	<i>poisson</i> : cá	<i>n. de coco</i> : dừa
<i>full</i> : no	<i>frit</i> : rán	<i>porc</i> : lợn	<i>orange</i> : cam
	<i>grillé</i> : nướng	<i>poulet</i> : gà	<i>pastèque</i> . : dưa hấu
	<i>vapeur</i> : hấp	<i>serpent</i> : rắn	<i>pomme</i> : táo
		<i>veau</i> : bê	<i>tomate</i> : cà chua

La meilleure sélection de Maisons, Villas, Appartements, Showrooms, Bureaux..

- Aucune Commission -



Ce livret a été spécialement réalisé
par Nicolas BOSCH et M. Cuong pour
Quang Minh Real Estate Company
- Hanoi 08/2005 -



maison : nhà

<i>bureau</i>	: phòng làm việc
<i>chaise</i>	: ghế table : bàn
<i>chambre</i>	: phòng ngủ
<i>cuisine</i>	: bếp
<i>fenêtre</i>	: cửa sổ
<i>lampe</i>	: đèn
<i>lit</i>	: giường
<i>porte</i>	: cửa ra vào
<i>salle de bains</i>	: phòng tắm
<i>salon</i>	: phòng khách
<i>table</i>	: bàn
<i>toilettes</i>	: vệ sinh

classe : lớp học

<i>dictionnaire</i>	: từ điển
<i>langue étrangère</i>	: ngoại ngữ
<i>livre</i>	: sách
<i>ordinateur</i>	: máy vi tính
<i>stylo</i>	: bút

vêtements : quần áo

porter (mặc) + <i>chemise</i>	: áo sơ mi
<i>pantalon</i>	: quần dài
(đội) + <i>chapeau</i>	: mũ
(đi) + <i>chaussures</i>	: giày
<i>sandales</i>	: dép
(đeo) + <i>lunettes</i>	: kính
<i>montre</i>	: chiếc đồng hồ

corps humain : cơ thể người

<i>bouche</i>	: miệng
<i>bras</i>	: tay
<i>cheveux</i>	: tóc
<i>doigt</i>	: ngón tay
<i>jambe</i>	: cẳng chân
<i>main</i>	: bàn tay
<i>nez</i>	: mũi
<i>oeil</i>	: mắt
<i>oreille</i>	: tai
<i>ped</i>	: bàn chân

Pour le professionnalisme d'une agence immobilière... Contactez Mr. Cuong !

☎ 09 53 31 98 77

✉ cuong@hanoi-home.com

💻 www.hanoi-home.com

accident : tai nạn
arbre : cây cối
arme : vũ khí
bateau : tàu / thuyền
chance : may mắn
difficulté : khó khăn
guerre : chiến tranh
île : hòn đảo
international : quốc tế
le dernier : cuối
le second : thứ hai
les premier: đầu tiên
mariage : cưới
mer : biển
musée : bảo tàng
musique : âm nhạc
nation : quốc gia
peur : sợ
photo : tấm ảnh

plage : bãi biển
santé : sức khỏe
secret : bí mật
train : tàu hoả
une sorte de : loại
village : bản / làng
ville : thành phố

Chimie : hoá học
Droit : luật
Economie : kinh tế
Géographie : địa lý
Histoire : lịch sử
Littérature : văn
Maths : toán
Médecine : Y (học)
Philosophie : triết học
Physique : vật lý
Psychologie : tâm lý học

NOTES PERSONNELLES

La meilleure sélection de Maisons, Villas, Appartements, Showrooms, Bureaux..

- Aucune Commission -